TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2019/HS-ST
Ngày 29/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Chang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Bà Lê Thị Phương Dung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2019/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Bùi Minh H (tên gọi khác: Tí), sinh năm 1993 tại Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Lê Thị H; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/10/2019 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại*: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố BH, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Trịnh Đức T, sinh năm 1998; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Đặng Cao V , sinh năm 1989; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đường số X, phường H, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp BL, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Nữ Tố U, sinh năm 1980; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố BH, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người làm chứng*:

+ Ông Bùi Mạnh P, có đơn xin vắng mặt.

+ Ông Bùi Hữu S, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 19/10/2019, Nguyễn Hữu N điều khiển xe mô tô biển số 61K1 – 17623 đến nhà Bùi Minh H (anh vợ của N) ở Khu phố A , thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để tìm vợ là bà Bùi Thị Hồng L. Tại đây, N không gặp vợ nên ngồi nói chuyện với H một lúc rồi rủ H đi nhậu, H đồng ý. N điều khiển xe mô tô chở H đến quán La Cà thuộc thị trấn L, huyện B để nhậu. Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2019, N chở H đi về, trên đường về, N thấy anh Trịnh Đức T điều khiển xe mô tô biển số 50N1 – 807.44 chở theo chị gái của Toàn là Trịnh Thị N. N thấy chị Trịnh Thị N giống vợ mình nên N chở H đuổi theo xe của T, đuổi đến khu vực thuộc ấp 6, xã Tân Long, huyện Phú Giáo thì T điều khiển xe chở Trịnh Thị N ngã vào lề đường bên trái, N chở H cũng ngã theo, cách xe của T khoảng 15m. Lúc này N đi đến dùng tay không đánh T 02, 03 cái vào người nhưng không gây thương tích thì H chạy lại can không cho N đánh T nên N đi đến chỗ Trịnh Thị N đang nằm tháo khẩu trang Trịnh Thị N đang đeo ra thì phát hiện chị Trịnh Thị N không phải vợ mình nên N đi đến dựng xe của mình lên rồi dắt xe quay đầu về phía huyện B. H lúc này đến vị trí T, dựng xe mô tô của T lên, tắt máy rồi rút chìa khóa xe của Trồi cầm trên tay và hỏi T "Mày biết mày chở vợ ai không?" rồi dùng chân đá T 04 cái thì T trả lời "Con chở chị gái con mà". H nhìn sang vị trí Trịnh Thị N đang nằm thì thấy Trịnh Thị N đang nói chuyện điện thoại, do sợ chị Trịnh Thị N điện thoại về cho người ra nên H đi đến chỗ Trịnh Thị N đang nằm dùng tay phải giật chiếc điện thoại hiệu Oppo của Trịnh Thị N đang cầm trên tay, sau đó chạy đến vị trí của N. N và bị cáo H nhanh chóng dắt xe chạy về hướng B. T thấy H giật điện thoại của chị Trịnh Thị N nên la lên "cướp, cướp", lúc này sợ người dân truy đuổi nên N, H đẩy xe vào lô cao su gần đó bỏ xe lại rồi N gọi điện cho vợ là Bùi Thị Hồng L đến đón N và H về nhà ngủ. Quá trình bỏ chạy thì H mới nói với N về việc H giật điện thoại của Trịnh Thị N, N nói "Sao giật điện thoại người ta chi" nhưng do sợ bị người dân hiểu nhầm nên cả hai bỏ chạy, sau đó về nhà N ngủ. Sáng ngày 20/10/2019, bị cáo H đưa điện thoại di động và chìa khóa mà H lấy của Trịnh Thị N cho N để N đưa đến Công an xã Tân Long trình báo sự việc và giao nộp lại tài sản trên. Cùng ngày, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo tiến hành bắt khẩn cấp đối với Bùi Minh H về hành vi Cướp giật tài sản. Quá trình điều tra, H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên của mình.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Giáo kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, màu trắng - hồng, số IMEI1: 866468033906779; số EMEI2: 866468033906761 có giá trị thực tế là 1.100.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo tạm giữ:

+ 01 xe mô tô biển số 61K1 – 17623, số máy CGA1ID187813, số khung 11AZKJ187733.

+ 01 xe mô tô biển số 50N1 – 807.44 (biển số xe bị văng ra ngoài, Cơ quan điều tra không tìm thấy), số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869 do Đặng Cao V đứng tên chủ sở hữu và 01 chìa khóa xe mô tô có ghi dãy số A7202502. Quá trình điều tra xác minh đây là xe mô tô của T, Toàn nhờ Đặng Cao V đứng tên chủ sở hữu.

+ 01 điện thoại di dộng hiệu Oppo màu trắng, hồng, số IMEI1: 866468033906779; số EMEI2: 866468033906761. Đây là tài sản hợp pháp của bà Trịnh Thị N. Ngày 15/11/2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo đã trả lại cho bà Trịnh Thị N, bà Trịnh Thị N không yêu cầu gì thêm.

Về dân sự:

Nguyễn Hữu N cùng mẹ ruột là bà Nguyễn Nữ Tố U đã bồi thường cho bị hại Trịnh Thị N số tiền 10.000.000 đồng. Bà Trịnh Thị N đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì thêm. Ông Trịnh Đức T yêu cầu ông Nguyễn Hữu N bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là chi phí sửa xe mô tô biển số 50N1 – 807.44 (biển số xe bị văng ra ngoài, Cơ quan điều tra không tìm thấy), số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869. Tại phiên tòa, ông Trịnh Đức T và ông Nguyễn Hữu N thỏa thuận ông N sẽ đi sửa xe mô tô cho ông T, ông T đồng ý nên không yêu cầu bồi thường chi phí sửa xe.

Tại Cáo trạng số 85/CT-VKSPG, ngày 15/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố Bùi Minh H về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố vẫn nguyên quyết định truy tố của Cáo trạng và nêu quan điểm: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo truy tố bị cáo về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Bùi Minh H phạm tội "Cướp giật tài sản". Căn cứ vào hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Minh H từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Trịnh Thị N và những người liên quan không yêu cầu gì thêm. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho Nguyễn Hữu N 01 xe mô tô biển số 61K1 – 17623, số máy CGA1ID187813, số khung 11AZKJ187733; trả lại cho Trịnh Đức T 01 xe mô tô không có biển số xe, số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869 và 01 chìa khóa xe mô tô có ghi dãy số A7202502.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

Bị hại Trịnh Thị N trình bày: Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2019, bà cùng em trai của bà là Trịnh Đức T vừa đi ăn về thì trên đường đi bị hai thanh niên đuổi theo. Vì xe của em bà chạy tốc độ nhanh nên đến đoạn cua ấp 6, xã Tân Long cả hai xe bị ngã.

Khi vừa bị ngã xuống bà hơi choáng, được một lúc thì điện thoại di động của bà đổ chuông, bà lấy ra chưa kịp nghe thì bị bị cáo H lại giật điện thoại. Sau đó, bà bị ngất xỉu. Ông Nguyễn Hữu N, người đi cùng với bị cáo H và gia đình của N là bà Nguyễn Nữ Tố U (mẹ của N) đã bồi thường chi phí điều trị thương tích cho bà là 10.000.000đ, bà không yêu cầu gì thêm và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu N trình bày: Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2019, ông điều khiển xe mô tô biển số 61K1-176.23 của ông chở bị cáo H từ thị trấn L, huyện B về nhà. Trên đường đi thì gặp xe ông T chở Trịnh Thị N phía sau, đi hướng ngược chiều với ông, ông tưởng là vợ của ông đi cùng người đàn ông khác nên quay xe đuổi theo xe của T đến ấp 6, xã Tân Long, huyện Phú Giáo thì do đường cong nên cả xe của ông và xe của T bị ngã. Ông đến chỗ T đánh Toàn 02 cái và đến chỗ Trịnh Thị N bị ngã thì phát hiện không phải vợ của ông nên ông đi ra dựng xe của mình để đi về. Ông có nghe T la lên nhưng không nghe rõ, do sợ người dân đuổi theo đánh nên ông và bị cáo H sợ quá bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy thì ông mới biết H giật điện thoại di động của Trịnh Thị N. Đến sáng ngày 20/10/2019, ông đã đưa điện thoại di động và chìa khóa xe mà H lấy của Ngọc đến công an xã Tân Long giao nộp. Ông và gia đình đã hỗ trợ cho bà Trịnh Thị N số tiền 10.000.000đ chi phí đi bệnh viện. Đối với chi phí sửa xe của T thì ông tự nguyện sửa chữa xe cho T và sẽ chịu toàn bộ chi phí sửa xe.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Đức T trình bày: Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2019, ông chở chị gái của ông là Trịnh Thị N đi về nhà thì bị N và bị cáo H đuổi theo đến đoạn đường cong ấp 6, xã Tân Long, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do chạy nhanh nên bị ngã. Khi bị ngã thì N đến đánh ông 02 cái sau đó đi lại dựng xe mô tô của N lên. Bị cáo H đến chỗ ông đánh ông và nói "Mày biết chở vợ ai không" thì ông trả lời "Con chở chị gái con mà". Đúng lúc này thì điện thoại di động của bà Trịnh Thị N có đổ chuông thì bị cáo H tiến đến chỗ bà Trịnh Thị N giật điện thoại. Thấy vậy ông la lên "cướp, cướp" khi đó người dân ở gần khu vực đó chạy ra thì bị cáo H và N bỏ chạy. Trong quá trình điều tra, ông yêu cầu ông N bồi thường chi phí sữa chữa xe mô tô biển số 50N1 – 807.44 (biển số xe bị văng ra ngoài, Cơ quan điều tra không tìm thấy), số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869 của ông là 4.000.000đ. Chiếc xe mô tô này ông nhờ ông Đặng Cao V là bạn của ông đứng tên hộ giấy đăng ký xe, do ông mua trả góp và ông là người trả tiền hàng tháng. Khi bị ngã thì biển số xe đã văng ra khỏi xe và không tìm thấy. Tại phiên tòa, ông N đề nghị sẽ đưa xe mô tô của ông đi sửa chữa thì ông đồng ý và không yêu cầu ông N bồi thường chi phí sửa xe nữa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Nữ Tố U trình bày: Bà đã bồi thường cho bị hại 10.000.000đ và không yêu cầu bị cáo H và ông N trả lại cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá

trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Cao V và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt không ai đề nghị HĐXX hoãn phiên tòa, hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Cao V và những người làm chứng trong quá trình điều tra đã đầy đủ, việc vắng mặt không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án do đó căn cứ các Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 20/10/2019, bị cáo H cùng với em rể của bị cáo là Nguyễn Hữu Ntrên đường đi nhậu về thì thấy Trịnh Đức T chở chị gái Trịnh Thị N, tưởng Trịnh Thị N là vợ của N nên đuổi theo để đánh ghen. Khi đến khu vực thuộc ấp 6, xã Tân Long, huyện Phú Giáo thì cả 02 xe mô tô bị té ngã. Bị cáo H tưởng T chở em gái mình nên bị cáo nói "Mày biết mày chở vợ ai không" và dùng chân đá vào người T nhiều cái nhưng không gây thương tích. Khi đang đánh T thì điện thoại di động của bà Trịnh Thị N đổ chuông, H sợ Trịnh Thị N báo người nhà ra đánh H và N nên H một mình đi đến vị trí của bà Trịnh Thị N đang nằm giật điện thoại hiệu Oppo, màu trắng - hồng của Trịnh Thị N bỏ vào túi quần mà không nói cho N biết và sau đó bỏ chạy. Trong quá trình bỏ chạy, bị cáo H mới nói cho N biết việc bị cáo giật chiếc điện thoại di động của Trịnh Thị N thì N có nói với H "Sao lại giật điện thoại của người ta". Đến sáng ngày 20/10/2019, bị cáo H đưa điện thoại di động của Trịnh Thị N và chìa khóa xe mô tô của T cho N để N đến công an xã Tân Long giao nộp tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt. Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 15/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Giáo kết luận: 01 điện thoại hiệu Oppo, màn hình cảm ứng, màu trắng - hồng, số IMEI1: 866468033906779; số EMEI2: 866468033906761 có trị giá 1.100.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết hành vi cướp giật tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quan hệ sở hữu được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn gây mất trật tự công cộng trong khu vực. Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, HĐXX xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo để quyết định mức hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại

cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Trịnh Thị N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bà Nguyễn Nữ Tố U là mẹ của Nguyễn Hữu N đã bồi thường cho bị hại 10.000.000đ tiền điều trị thương tích. Tại phiên tòa, bà Trịnh Thị N không yêu cầu bị cáo H và ông Nguyễn Hữu N phải bồi thường gì thêm nên HĐXX ghi nhận và không đặt ra xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Nữ Tố U không yêu cầu bị cáo H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu N phải trả lại cho bà số tiền 10.000.000đ mà bà đã bồi thường cho bị hại nên HĐXX ghi nhận và không đặt ra xem xét.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Hữu N và ông Trịnh Đức T về việc N sẽ tự đi sửa chữa xe cho ông T nên ông T không yêu cầu bồi thường. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki loại Satria biển số 61K1 - 17623, số máy CGA1ID187813, số khung: không kiểm tra được, đầu xe bị hư hỏng nặng là tài sản của Nguyễn Hữu N mua trả góp và hiện nay đang thế chấp tại Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng không liên quan đến hành vi phạm tội của H nên HĐXX xem xét trả lại cho Nguyễn Hữu N.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter không có biển số xe (biển số xe là 50N1 - 807.44 bị văng ra ngoài, Cơ quan điều tra không tìm thấy), số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869 và 01 chìa khóa xe mô tô có ghi dãy số A7202502 là tài sản hợp pháp của ông Trịnh Đức Đ do Toàn nhờ ông Đặng Cao V đứng tên hộ trong Giấy chứng nhận đăng ký xe nên HĐXX xem xét trả lại cho ông Trịnh Đức T.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo đã trả lại cho bị hại Trịnh Thị N nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Hữu N và Bùi Minh H đánh Trịnh Đức T đã bị Công an huyện Phú Giáo xử phạt vi phạm hành chính nên HĐXX không đặt ra xem xét. Nguyễn Hữu N không bàn bạc với bị cáo H đi thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản của Trịnh Thị N và N không biết hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động của Bùi Minh H nên N không là đồng phạm của H trong vụ án này, Viện kiểm sát không đề cập, HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo Bùi Minh H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 30, 106, 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Minh H phạm tội "Cướp giật tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt bị cáo Bùi Minh H 01 (năm) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20/10/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Nữ Tố U không yêu cầu bị cáo và ông Nguyễn Hữu N phải trả lại cho bà số tiền 10.000.000đ.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận của ông Nguyễn Hữu N và ông Trịnh Đức T về việc sửa chữa xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter xe không biển số, số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869 của ông T. Nếu phát sinh tranh chấp sẽ được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho Nguyễn Hữu N 01 xe mô tô nhãn hiệu Suzuki loại Satria biển số 61K1 - 17623, số máy CGA1ID187813, số khung: không kiểm tra được, đầu xe bị hư hỏng nặng, không kiểm tra máy bên trong.

Trả lại cho Trịnh Đức T 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha loại Exciter xe không biển số, số máy G3D4E871302, số khung 1010KY104869, không kiểm tra bên trong máy và 01 chìa khóa xe mô tô có ghi dãy số A7202502.

(Thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Bùi Minh H phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án của Tòa án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Chang